

NGHIÊN CỨU VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN TẠI HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Minh^{1*}, Nguyễn Thị Tâm¹, Trần Việt Dũng²

¹Đại học Thái Nguyên, ²Trường Đại học Nông lâm - ĐHTN

TÓM TẮT

Phụ nữ luôn là một lực lượng quan trọng và đồng hành trong đội ngũ những người lao động tạo dựng nên xã hội. Họ có vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đại Từ là huyện có tỷ lệ nữ chiếm một phần đông dân số. Lực lượng này đã có những đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà, họ đã nhận thức và phát huy vai trò của mình trong sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế phi nông nghiệp, các hoạt động xã hội và cộng đồng nông thôn. Tuy nhiên, sự đóng góp của phụ nữ lại chưa được ghi nhận một cách xứng đáng trong nền kinh tế và đời sống gia đình. Các kết quả thu được nhờ việc thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu về vai trò của phụ nữ ở huyện Đại Từ trong phát triển kinh tế hộ nông dân, những cản trở sự tiến bộ của phụ nữ trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế nông thôn, đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm phát huy hơn nữa vai trò của lực lượng này.

Từ khóa: Phụ nữ; phát triển kinh tế; kinh tế hộ nông dân; huyện Đại Từ; tỉnh Thái Nguyên.

Ngày nhận bài: 28/11/2019; Ngày hoàn thiện: 31/12/2019; Ngày đăng: 31/12/2019

RESEARCH ON THE ROLE OF WOMEN IN FARMER HOUSEHOLD ECONOMIC DEVELOPMENT IN DAI TU DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Le Thi Minh^{1*}, Nguyen Thi Tam¹, Tran Viet Dung²

¹Thai Nguyen University, ²TNU - University of Agriculture and Forestry

ABSTRACT

Women are always an important and large force in the team of workers who create society. They play an important role in all areas of social life. Dai Tu is a district with a high percentage of women. This force has made great contributions to the socio-economic development of the district. They have realized and promoted their role in agricultural production, non-agricultural economic sectors, social activities and rural community. However, these contribution has not been properly recorded in the economy and family life. The results are obtained through data collection, aggregation and analysis about the role of women in Dai Tu district in farmer household economic development, hindrances to women's progress in rural economic innovation and development, and suggests some feasible solutions to further promote the role of this force.

Keywords: Women; economic development; farmer household economy; Dai Tu district; Thai Nguyen province.

Received: 28/11/2019; Revised: 31/12/2019; Published: 31/12/2019

* Corresponding author. Email: minhle@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Phụ nữ có vai trò quan trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong hoạt động vật chất, phụ nữ là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải. Trong lĩnh vực tinh thần, phụ nữ có vai trò sáng tạo nền văn hóa nhân loại. Nền văn hóa dân gian của bất cứ đất nước nào, dân tộc nào cũng có sự tham gia của phụ nữ. Ngoài ra, người phụ nữ còn thực hiện thiên chức làm vợ, làm mẹ để duy trì và phát triển xã hội.

Ở Việt Nam, tỷ lệ phụ nữ biết đọc, biết viết đạt 92%; tình trạng trẻ em gái bỏ học sớm đã giảm; nữ sinh viên chiếm trên 50% trong các trường đại học và cao đẳng; nữ thủ khoa chiếm 61,6% các kỳ tuyển sinh và tốt nghiệp đại học. Đội ngũ nữ trí thức tiếp tục tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hóa, chiếm gần 40% số người có trình độ thạc sĩ, trên 21,4% số người có học vị tiến sĩ, 14,08% số giáo sư và 37,67% phó giáo sư. Trong nhiều ngành như nông nghiệp, giáo dục, y tế, công nghiệp nhẹ, tài chính, văn hóa... phụ nữ luôn chiếm ưu thế và ngày càng khẳng định vị thế và vai trò to lớn của mình trong đời sống kinh tế - xã hội [1].

Qua thực tế cho thấy sự đóng góp của người phụ nữ lại chưa được ghi nhận một cách xứng đáng, vẫn còn khoảng cách giữa nam giới và nữ giới trong phát triển. Do vậy, bất bình đẳng giới về cơ hội việc làm, tiền lương, thu nhập, cơ hội thăng tiến giữa nam và nữ chưa thật sự tạo điều kiện cho phụ nữ vươn lên là vấn đề đang diễn ra phức tạp. Vì vậy, việc tìm hiểu về vai trò của phụ nữ ở huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong phát triển kinh tế hộ nông dân, những cản trở sự tiến bộ của phụ nữ trong quá trình đổi mới và phát triển kinh tế nông thôn, từ đó đề xuất một số giải pháp có tính khả thi nhằm phát huy hơn nữa vai trò của phụ nữ hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp: Sử dụng phương pháp phỏng vấn nhóm, phỏng vấn những người cung cấp thông tin chủ chốt (PRA). Theo vị trí địa lý, địa hình, địa mạo đất đai của huyện Đại Từ, huyện được chia ra làm ba tiểu vùng, mỗi tiểu

vùng chọn ra 1 xã đại diện để nghiên cứu, bao gồm các xã: Quân Chu, Minh Tiến, Cù Vân. Tổng cộng có 150 hộ đã tham gia phỏng vấn, phương pháp phỏng vấn trực tiếp thông qua bảng câu hỏi.

Số liệu thứ cấp: Được thu thập từ các tài liệu, các báo cáo, số liệu thống kê của các Sở, Ban ngành có liên quan.

2.2. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

Phương pháp phân tổ thống kê được sử dụng để phân loại lao động theo ngành nghề, phân loại các dữ liệu theo xã. Phương pháp thống kê so sánh được sử dụng để thấy được sự khác nhau về tư liệu sản xuất, thu nhập, tiêu dùng... giữa các xã.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đại Từ

Trong những năm gần đây, huyện Đại Từ đã đạt được một số thành tựu nhất định. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện đạt 17,39%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực: công nghiệp - xây dựng chiếm 51,8%; dịch vụ chiếm 30,6%; nông, lâm nghiệp chiếm 17,6% [2].

Diện tích đất tự nhiên của huyện là 57.334,6 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 19.946,7 ha (chiếm 34,79%), đất lâm nghiệp là 28.518,23 ha (chiếm 49,74%) [3]. Dân số toàn huyện năm 2017 là 164.250 người, trong đó phụ nữ là hơn 82.930 người (chiếm 50,49%), có gần 37.000 hộ sản xuất nông nghiệp. Trong huyện, số lao động nữ chưa tốt nghiệp tiểu học là 8%, tốt nghiệp tiểu học là 20%, tốt nghiệp THCS là 43%, tốt nghiệp THPT là 29% [2].

3.2. Thực trạng vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ nông dân tại các hộ nghiên cứu

Trong 150 hộ tham gia khảo sát, bình quân chủ hộ là nam chiếm 89,33% và chủ hộ là nữ là 10,67%. Nam là chủ hộ chiếm tỷ lệ lớn là do nam có tính quyết đoán, còn phụ nữ thì e dè hơn trong việc ra quyết định. Tuy nhiên, điều này cũng thể hiện sự bất bình đẳng giới trong gia đình cũng như những quan niệm, định kiến của xã hội, trong khi công sức mà

nữ giới bỏ ra không hề thua kém nam giới, thậm chí còn phải đảm nhiệm những công việc nặng nhọc trong gia đình. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm chung của hộ nông dân điều tra

Chỉ tiêu	Xã Quân Chu	Xã Minh Tiến	Xã Cù Vân
Chủ hộ là nam giới (hộ)	43 (86%)	45 (90%)	46 (92%)
Chủ hộ là nữ giới (hộ)	7 (14%)	5 (10%)	4 (8%)

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2018)

3.2.1. Vai trò của phụ nữ trong tham gia điều hành sản xuất

Phụ nữ nông thôn ngoài việc nội trợ trong gia đình, họ còn có vai trò trong quản lý và điều hành sản xuất của hộ. Mặc dù nhiều phụ nữ không phải chủ hộ cũng vẫn tham gia điều hành sản xuất trong hộ. Tỷ lệ nữ tham gia điều hành sản xuất ở xã Cù Vân chiếm tỷ lệ cao nhất là 72,11%, tiếp theo là xã Quân Chu với tỷ lệ 66,88%; thấp nhất là xã Minh Tiến (chiếm 63,42%). Như vậy có thể thấy, phụ nữ tại các xã nghiên cứu có vai trò quan trọng trong việc điều hành sản xuất của hộ gia đình. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 3. Sự phân công lao động trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi

Loại Công việc	Xã Quân Chu				Xã Minh Tiến				Xã Cù Vân			
	Chồng	Vợ	Cả hai	Người khác	Chồng	Vợ	Cả hai	Người khác	Chồng	Vợ	Cả hai	Người khác
Người ra quyết định												
Giống cây trồng, vật nuôi	21	20	8	1	16	27	5	2	20	22	4	4
Kỹ thuật canh tác	22	19	7	2	16	28	4	2	20	24	5	1
Mua công cụ sản xuất	20	23	3	4	18	28	4	0	20	25	4	1
Mua vật tư nông nghiệp	23	20	5	2	14	31	2	3	19	25	3	3
Mua thức ăn cho vật nuôi	13	24	13	0	2	37	11	0	8	29	12	1
Bán sản phẩm	29	17	3	1	11	32	6	1	21	21	5	3
Thuê phương tiện lao động	30	15	4	1	31	16	3	0	30	15	3	2
Người thực hiện các khâu trong công việc												
Làm đất	7	12	30	1	6	20	23	1	9	18	22	1
Gieo cấy	5	33	8	4	7	37	4	2	6	41	3	0
Bón phân, làm cỏ	4	24	17	5	4	31	13	2	4	28	16	2
Tưới tiêu nước	13	19	11	7	4	22	20	4	14	30	4	2
Phun thuốc trừ sâu	10	14	22	4	15	14	17	4	26	19	5	0
Chăm sóc vật nuôi	5	21	23	1	3	31	16	0	6	26	17	1
Thu hoạch	11	16	21	2	2	21	25	2	5	23	21	1
Bán sản phẩm	6	37	4	3	3	35	8	4	7	27	14	2

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2018)

Bảng 2. Tỷ lệ nữ tham gia điều hành sản xuất

Chỉ tiêu	Xã Quân Chu	Xã Minh Tiến	Xã Cù Vân
Số hộ có nữ giới làm chủ hộ (hộ)	7	5	4
Hộ khá	2	1	2
Hộ trung bình	4	3	1
Hộ nghèo	1	1	1
Tỷ lệ nữ tham gia điều hành sản xuất (%)	66,88	63,42	72,11
Hộ khá	36,47	25,96	43,58
Hộ trung bình	29,84	39,55	22,45
Hộ nghèo	33,69	34,49	33,97

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2018)

3.2.2. Vai trò của phụ nữ trong hoạt động sản xuất

Phụ nữ và nam giới đều tham gia vào các hoạt động sản xuất để tạo thu nhập cho gia đình và giữa họ có sự phân công tương đối rõ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nông hộ. Theo số liệu điều tra tại bảng 3 cho thấy, lao động nam (chồng) thường làm những công việc nặng và độc hại, còn lao động nữ chủ yếu tham gia vào những hoạt động sản xuất đòi hỏi tính khéo léo, nhẹ nhàng. Ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh, người phụ nữ còn tham gia vào các công việc chăm sóc gia đình, nội trợ.

Qua bảng 3 cho thấy có sự khác biệt trong vai trò của phụ nữ các xã điều tra liên quan đến phân công lao động trong hoạt động trồng trọt, chăn nuôi như: việc ra quyết định, việc thực hiện quyết định. Trong quá trình sản xuất nông nghiệp, phụ nữ là người đóng vai trò chính ở hầu hết các khâu quan trọng. Tuy nhiên, lao động nữ chỉ là người thực hiện, không phải là người phân công và quyết định các công việc chính của gia đình.

3.2.3. Vai trò trong hoạt động tiếp cận khoa học kỹ thuật và kiến thức khuyến nông của lao động nữ

Ở miền núi, phương tiện thông tin nghe nhìn và sách báo đến với người dân còn nhiều hạn chế; do vậy, việc lao động nữ tiếp cận và nắm bắt các thông tin kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt còn gặp nhiều khó khăn. Ngoài thời gian lao động sản xuất, phụ nữ ít có thời gian dành cho nghỉ ngơi, học hỏi, nâng cao hiểu biết kiến thức xã hội mà họ phải dành phần lớn thời gian còn lại cho công việc gia đình. Do vậy, phụ nữ bị hạn chế về kỹ thuật chuyên môn và sự hiểu biết xã hội. Phụ nữ ở độ tuổi lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật là 6%, còn ở nam giới tỷ lệ này là 10%. Theo thông báo của Liên hiệp quốc thì hiện nay trên thế giới còn hơn 840 triệu người bị mù chữ, trong đó nữ giới chiếm 2/3; trong số hơn 180 triệu trẻ em không được đi học thì có tới 70% là trẻ em gái [4].

Ngoài ra, do phụ nữ phải đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn nên cơ hội để họ giao tiếp rộng rãi, tham gia hoạt động cộng đồng để nắm bắt thông tin rất ít. Ở nhiều vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh, người dân còn chưa hề được tiếp xúc với báo chí và các hình thức truyền tải thông tin khác [5].

Qua số liệu điều tra cho thấy, phụ nữ thường cập nhật các thông tin về sản xuất trên các kênh thông tin từ cán bộ kỹ thuật khuyến nông và từ hội đoàn thể còn ít, chỉ chiếm từ trên dưới 10%, cao nhất là ở xã Cù Vân là 16,92% tiếp cận thông tin từ cán bộ khuyến

nông. Điều này một phần do phụ nữ ít tham gia sinh hoạt các hội đoàn thể, đồng thời tâm lý e ngại cũng làm giảm mức độ tiếp cận thông tin qua những kênh quan trọng này. Trong đó lượng thông tin, chủ yếu lao động nữ nông thôn nhận thông tin từ người chồng từ 20-30% lượng thông tin qua chợ từ 18-30% lượng thông tin. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 4:

Bảng 4. Tiếp cận thông tin sản xuất của lao động nữ

Nguồn cung cấp thông tin	Xã Quân Chu (%)	Xã Minh Tiến (%)	Xã Cù Vân (%)
Từ chồng	30,28	24,98	26,87
Hội đoàn thể	13,68	8,76	10,54
Từ chợ	23,87	18,66	30,25
Họ hàng, người thân quen	15,38	24,57	17,68
Cán bộ khuyến nông	13,88	6,54	16,92
Xem tivi, đài, sách báo, tạp chí, bản tin	17,31	19,87	33,34
Kinh nghiệm bản thân	29,85	25,36	21,11

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2018)

3.2.4. Vai trò trong kiểm soát các nguồn lực kinh tế hộ

Lao động nữ không chỉ tham gia vào hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế hộ mà còn có vai trò kiểm soát các nguồn lực như đất đai, đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ. Mặc dù phụ nữ chịu trách nhiệm chính trong sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và nội trợ nhưng việc kiểm soát kinh tế hộ gia đình của họ lại bị đánh giá thấp hơn nam giới. Trong việc đứng tên đăng ký tài sản, quyết định các việc lớn, quan hệ họ tộc... người chồng đều nắm vai trò chính. Người vợ tuy được đánh giá cao hơn trong quản lý tài chính của gia đình với trách nhiệm chi tiêu nhỏ lẻ hàng ngày nhưng việc quyết định mua sắm, làm công việc lớn lại do người chồng quyết định [6]. Hiện nay, có một bộ phận khá đông gia đình nông thôn đã có sự đồng thuận, đề cao vai trò của phụ nữ trong việc cùng bàn bạc, ra các quyết định mỗi khi có những công việc lớn trong gia đình. Số liệu chi tiết được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5. Quyền và sự phân công trong gia đình về kiểm soát kinh tế, tài sản hộ gia đình

Loại công việc	Xã Quân Chu(hộ)			Xã Minh Tiến(hộ)			Xã Cù Vân(hộ)		
	Chồng	Vợ	Khác	Chồng	Vợ	Khác	Chồng	Vợ	Khác
Quyền kiểm soát kinh tế, tài sản	30	14	6	32	10	8	29	16	5
Đứng tên sổ đỏ	29	9	12	26	11	13	31	7	12
Đứng tên đăng ký xe máy	22	14	14	27	11	12	31	13	6
Đứng tên vay vốn	26	23	1	32	16	2	21	24	5

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2018)

Bảng 6. Vai trò của vợ và chồng trong các quyết sách lớn của hộ gia đình

Loại công việc	Xã Quân Chu(hộ)			Xã Minh Tiến(hộ)			Xã Cù Vân(hộ)		
	Chồng	Vợ	Khác	Chồng	Vợ	Khác	Chồng	Vợ	Khác
Quản lý tài chính gia đình	35	8	7	19	26	5	14	27	9
Định hướng phát triển kinh tế hộ	41	5	4	27	12	11	30	14	6
Mua sắm tài sản lớn	42	5	3	32	7	11	43	4	3
Mua bán, thuê đất (nếu có)	40	9	1	36	2	12	36	6	8
Xây và sửa chữa nhà cửa	43	3	4	34	5	11	28	13	9
Số lượng con cái	38	7	5	24	21	5	23	21	6
Định hướng nghề nghiệp cho con cái	41	7	2	29	17	4	39	10	1
Dựng vợ, gả chồng cho con cái	38	8	4	25	21	4	26	10	14
Quan hệ họ tộc, tham gia việc thôn xã	34	11	5	21	20	9	41	5	4
Đi làm thêm bên ngoài	34	7	9	24	20	6	33	15	2
Đi vay mượn, đi gửi tiền tiết kiệm	30	16	4	20	21	9	22	26	2
Chọn giống cây trồng, vật nuôi	20	19	11	14	22	14	15	24	11
Mua vật tư, phân bón, thuốc	18	29	3	16	30	4	13	31	6

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra 2018)

Đối với quyền kiểm soát kinh tế, tài sản: Qua điều tra ở 3 xã cho thấy, chủ yếu là người chồng trong gia đình kiểm soát kinh tế, tài sản của hộ, trong khi số hộ do người vợ kiểm soát rất ít (xã Quân Chu 14 hộ do vợ kiểm soát, trong đó do người chồng kiểm soát ở 30 hộ; xã Minh Tiến do người vợ kiểm soát ở 10 hộ, trong khi do người chồng kiểm soát ở 32 hộ và xã Cù Vân do người vợ kiểm soát là 16 hộ, trong khi do người chồng kiểm soát là 29 hộ). Việc đứng tên sổ đỏ tại các hộ điều tra cũng chủ yếu do người chồng đứng tên, người vợ đứng tên rất ít. Việc đăng ký xe máy cũng chủ yếu do người chồng đứng tên, nếu hộ nào có từ 2 xe máy trở lên thì có 1 chiếc đứng tên người vợ hoặc người con. Riêng đối với việc đứng tên vay vốn thì giữa người chồng và người vợ có tỷ lệ gần tương đương nhau.

3.2.5. Vai trò trong các định hướng của hộ

Đối với hoạt động sản xuất, nhất là trồng trọt, quyền quyết định chủ yếu là người vợ vì lực lượng lao động nữ tham gia nhiều trong các khâu sản xuất nông nghiệp hơn là nam giới. Từ việc chọn giống, chăm sóc cây trồng đến thu hoạch, lao động nữ ra quyết định dựa vào năm kinh nghiệm canh tác, qua các nguồn thông tin từ bạn bè hàng xóm và qua chợ.

Qua bảng 6 cho thấy, đa số các quyết định liên quan đến định hướng của hộ đều do người chồng định hướng. Quyền quyết định trong các khâu sản xuất mặc dù người phụ nữ có quyền quyết định cao hơn song quyền sử dụng các khoản thu nhập từ các hoạt động, định hướng nghề nghiệp, việc chi tiêu mua sắm các tài sản thì người chồng lại là người quyết định. Nguyên nhân gây ra sự bất bình đẳng trong việc quyết

định các công việc trong gia đình là do người phụ nữ có trình độ thấp, trong các hoạt động tham gia thường thiếu tự tin nên họ chỉ dám đóng góp ý kiến là chủ yếu.

Ngoài ra, do ảnh hưởng các quan niệm “trọng nam, khinh nữ”, “tam tòng, tứ đức” tồn tại từ rất lâu đời làm vị thế của người phụ nữ trong gia đình, trong xã hội chỉ đóng vai trò thứ yếu hoặc không có quyền quyết định. Những năm gần đây do có sự quan tâm phát triển sự bình đẳng nam nữ của toàn thế giới nên người phụ nữ đã được công nhận trong gia đình và xã hội. Sự bình đẳng nam nữ được thể hiện qua quyền tham gia, quyết định của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

3.3. Đánh giá chung về vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ nông dân tại huyện Đại Từ

Trong thực tế, các gia đình do phụ nữ là chủ hộ ở Việt Nam nói chung sung túc hơn các gia đình do nam giới làm chủ hộ, vẫn có những nhóm gia đình do phụ nữ làm chủ hộ lại rất nghèo. Các số liệu nghiên cứu cho thấy vai trò và khả năng của phụ nữ trong việc chăm sóc gia đình và phát triển kinh tế hộ không hề thấp kém hơn so với nam giới.

3.3.1. Kết quả đạt được

Trong phát triển kinh tế hộ gia đình, phụ nữ nông thôn huyện Đại Từ đã chủ động trong sản xuất, họ đã kết hợp các loại hình kinh tế phù hợp nhằm tạo ra nguồn thu nhập cơ bản cho gia đình.

Trong tham gia quản lý hộ, điều hành sản xuất: Tỷ lệ phụ nữ làm chủ hộ thấp, nhưng vai trò của phụ nữ trong việc quản lý điều hành sản xuất lớn. Điều này cho thấy sự bình đẳng được cải thiện trong hoạt động này của hộ.

Trong hoạt động tiếp cận khoa học kỹ thuật và kiến thức khuyến nông: Lao động nữ tiếp nhận các thông tin từ cán bộ kỹ thuật khuyến nông và từ hội đoàn thể còn ít, trong đó lượng thông tin, chủ yếu lao động nữ nông thôn nhận thông tin từ người chồng và từ chợ.

Trong hoạt động sản xuất và kiểm soát các nguồn lực kinh tế hộ: Phụ nữ là người thực

hiện phần lớn các khâu của sản xuất nông nghiệp và chịu trách nhiệm chính trong sản xuất nông nghiệp, dịch vụ nội trợ nhưng đối với việc kiểm soát kinh tế hộ gia đình, họ lại bị đánh giá thấp hơn nam giới. Hầu hết các công việc liên quan đến kiểm soát tài sản, kinh tế hộ do người chồng quyết định.

Trong các định hướng của hộ: Hầu hết các quyết định liên quan đến định hướng của hộ đều do người chồng định hướng. Quyền quyết định trong các khâu sản xuất mặc dù người phụ nữ có quyền quyết định cao hơn song quyền sử dụng các khoản thu nhập từ các hoạt động, định hướng nghề nghiệp, mua sắm các tài sản lớn thì người chồng lại là người quyết định.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

* Hạn chế:

- Phụ nữ trên địa bàn huyện là nạn nhân của những hủ tục, tập quán truyền thống lạc hậu, phân biệt đối xử trọng nam, khinh nữ vẫn tồn tại thâm căn cố đế trong xã hội.

- Trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghề nghiệp, hiểu biết xã hội hạn chế; tính quyết đoán, tự chủ, nhanh nhạy, nắm bắt thời cơ, mạo hiểm của lao động nữ thường kém..., do đó tính cạnh tranh khi tham gia thị trường lao động không cao.

* Nguyên nhân:

- Chưa nhận thức được đầy đủ các quyền của mình, luôn an phận, giữ lối sống khép kín, nên họ hài lòng với vị trí của mình, chú tâm đến nội trợ và chăm sóc con nhiều hơn các công việc khác.

- Trình độ học vấn, chuyên môn và khoa học kỹ thuật đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng tới quyền quyết định của nam hay nữ trong gia đình cũng như xã hội. Qua nghiên cứu, trình độ học vấn của phụ nữ trên địa bàn huyện là khá cao so với mặt bằng chung nhưng ở một số hộ so với nam giới vẫn còn thấp. Vì vậy, người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi trong tìm kiếm những công việc phù hợp và phát huy khả năng sáng tạo bị hạn chế, làm cho họ chịu nhiều thiệt thòi trong hưởng thụ vật chất và tinh thần.

- Nhận thức và sự tham gia của cộng đồng để tiến tới bình đẳng giới chưa cao. Hàng năm, trên địa bàn huyện đều mở các lớp tập huấn về Công tác Giới và bình đẳng xã hội. Tuy nhiên, người tham gia chủ yếu vẫn là chị em phụ nữ, nam giới có tham gia nhưng thành phần rất ít, và nhận thức thay đổi về giới diễn ra vẫn còn chậm.

- Trình độ học vấn của người dân nông thôn còn nhiều hạn chế nên khi nhận được giấy mời có nội dung về tập huấn Giới hay các chương trình lồng ghép về Giới là họ thường cử thành viên là nữ giới tham dự. Ở địa phương, cơ sở, khi mở lớp tập huấn về Giới cũng thường là tổ chức cho phụ nữ và do Hội Phụ nữ ở địa phương tổ chức.

- Nguyên nhân chính của bất bình đẳng giới trong địa bàn nghiên cứu là do nhận thức, quan niệm truyền thống về các vấn đề giới còn hạn chế như: cách ứng xử của xã hội, nếp gia trưởng...

3.4. Một số giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế hộ trên địa bàn huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

3.4.1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, các cơ quan ban ngành trong việc đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới trong nông thôn

Xóa bỏ bất bình đẳng giới là trách nhiệm của toàn xã hội không chỉ riêng huyện Đại Từ, từ đó các cấp ủy cần phải xây dựng nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động truyền thông về bình đẳng giới trong cộng đồng. Trong quá trình truyền thông, trước tiên cần quan tâm hướng tới đối tượng là lãnh đạo chủ chốt của địa phương, nâng cao và thay đổi tư duy về giới cho họ là cách tốt nhất, sớm nhất, từ đó họ sẽ tạo những cơ hội cho phụ nữ nông thôn phát huy khả năng, năng lực của mình trong mọi lĩnh vực hoạt động của gia đình, cộng đồng.

Cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành với các tổ chức đoàn thể trên địa bàn huyện, khi mở các lớp nâng cao trình độ nhận thức, năng lực cho phụ nữ. Cụ thể, khi mở các lớp tập huấn khuyến nông, khuyến lâm cần đưa ra các chỉ tiêu cụ thể, có phụ nữ tham gia.

Tăng cường mở rộng các chương trình, các dự án nâng cao năng lực cho phụ nữ. Phát triển mạnh mẽ hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ xã, chi hội phụ nữ các thôn, xây dựng các câu lạc bộ nữ thôn tạo điều kiện để phụ nữ giúp đỡ nhau làm kinh tế, tạo điều kiện cho phụ nữ nuôi dạy con cái... hỗ trợ các phụ nữ đơn thân.

Xây dựng các mô hình gia đình kiểu mẫu, hạnh phúc trong cuộc sống bình đẳng vợ chồng, không còn tư tưởng trọng nam khinh nữ, vợ chồng cùng đứng tên trong các tài sản, cùng bàn bạc và ra quyết định công việc gia đình. Từng bước phổ biến và nhân rộng mô hình kiểu mẫu ra khắp thôn, xã.

3.4.2. Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về giới trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn

Tăng cường tuyên truyền vận động trên các phương tiện và các hình thức sinh hoạt của địa phương về vị trí, vai trò của phụ nữ ở mọi phương diện kinh tế, đời sống, xã hội. Đối tượng được tuyên truyền không chỉ cho phụ nữ mà cả nam giới.

3.4.3. Nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ

Nâng cao kiến thức về mọi mặt là nâng cao nội lực cho phụ nữ. Đây là biện pháp đầu tiên cơ bản và quyết định nhằm tạo ra năng lực để họ có thể tiếp cận với khoa học và kỹ thuật. Vì vậy, phải khuyến khích và tạo điều kiện cho chị em tham gia học tập để không ngừng nâng cao nhận thức, trình độ văn hóa, chuyên môn, tay nghề. Có chính sách thỏa đáng cho phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số khi tham gia học tập tại các trường lớp, nhằm nâng cao chất lượng nhân lực nữ trên các địa bàn này, tiến tới xóa bỏ dần khoảng cách và sự chênh lệch kiến thức, trình độ giữa phụ nữ các vùng và giữa phụ nữ và nam giới.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng cho phụ nữ về chăm sóc sức khỏe, nuôi dạy con và kế hoạch hóa gia đình, kỹ năng sống và tổ chức cuộc sống gia đình.

3.4.4. Tăng khả năng tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực đối với phụ nữ

Đất đai: Thực hiện tốt quy định của Luật đất đai năm 2003 và các nghị định sửa đổi bổ sung, tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều phải ghi tên cả vợ và chồng.

Tin dụng: Ngân hàng cần tạo điều kiện vay và chấp nhận các mục tiêu sử dụng vốn vay đa dạng. Các thủ tục và quy trình hoạt động cần đảm bảo để cho phụ nữ và nam giới được tiếp cận như nhau.

3.4.5. Tăng cường tạo quyền và khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với quá trình ra quyết định trong phát triển kinh tế hộ

Phụ nữ và nam giới cần có cơ hội tiếp cận như nhau về giáo dục đào tạo, đối với các cộng đồng nông thôn cần tính đến yếu tố giới trong việc nhập trường ở các cấp giáo dục.

Giải pháp chính để đạt được bình đẳng giới trong quản lý cộng đồng và ra quyết định đó chính là nâng cao năng lực nhận thức cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ ở nông thôn để họ có thể tham gia vào tất cả các hoạt động kinh tế. Tại cấp huyện, xã cần tăng cường thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát vì sự tiến bộ của phụ nữ và các ban ngành liên quan về việc thực hiện luật pháp và chính sách bình đẳng giới.

Vận động và tạo điều kiện cho chị em phụ nữ được thường xuyên tham gia sinh hoạt đoàn thể phụ nữ, hội nông dân; được học tập, có điều kiện tiếp cận với sách, báo, các phương tiện truyền thông... nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt của phụ nữ, tạo môi trường cho họ phát huy và khẳng định vai trò của mình đối với gia đình và xã hội.

3.4.6. Phụ nữ phải tự ý thức để giải phóng chính mình, gạt bỏ tâm lý tự ti, mặc cảm

Chính bản thân người phụ nữ còn tư tưởng tự ti, an phận, cam chịu và thụ động do ảnh hưởng tư tưởng trọng nam khinh nữ từ xưa để

lại. Tâm lý tự ti, mặc cảm này đã làm hạn chế vai trò của chính họ, làm cho họ ngại phát biểu ý kiến, không bộc lộ chính kiến, ngại tranh luận với nam giới, mặc dù ý kiến của họ có thể là chính xác. Vì vậy, chính bản thân người phụ nữ phải có sự vận động tự mình giải thoát mình để đấu tranh cho quyền lợi, cho quyền bình đẳng giữa họ và nam giới.

4. Kết luận

Phụ nữ trên địa bàn huyện Đại Từ trong phát triển kinh tế gia đình, họ đã chủ động trong sản xuất nông - lâm nghiệp, kết hợp các loại hình kinh tế phù hợp với gia đình để tạo ra nguồn thu nhập cơ bản. Trong những năm qua, kinh tế của huyện đã có bước phát triển mới, trong đó có sự đóng góp đáng kể của phụ nữ. Qua đó, cho thấy vai trò phụ nữ nông thôn huyện Đại Từ đã được khẳng định. Phát huy vai trò phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở huyện Đại Từ là điều cần thiết đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của huyện nhà cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Vietnam Women's Union, *Evaluation report on women's movement and performance during 2012-2017*.
- [2]. Đại Từ District People's Committee, *Summary report on socio-economic development situation in 2016, 2017 and 2018*.
- [3]. Đại Từ District People's Committee, *Summary report on agricultural and forestry production in 2016, 2017, 2018*.
- [4]. T. V. A. Tran, "Gender and rural development" (In Vietnamese), Document for VNRP's rural sustainability training class, 2001.
- [5]. T. H. Vu and D. S. Carr, "Division of housework in the family" (In Vietnamese), *Sociology*, 2000.
- [6]. Q. B. Nong, "Thinking about gender equality" (In Vietnamese), *Journal of Law*, vol. 3, pp. 3-4, 2008.